TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN** ————	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ————————————

Bản án số: 25/2023/DSST
Ngày 28-6 - 2023
V/v kiện đòi nợ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Minh Hợi.

Ông Nguyễn Văn Đương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Kiên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đô lương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc kiện đòi nợ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn Tr – sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khối 3, thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Bùi Thị T – sinh năm 1977.

Địa chỉ: Xóm 5, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tr thống nhất trình bày:

Do quan hệ làm ăn buôn bán hoa quả với nhau lâu năm. Đến tháng 8/2017 chị T có nợ gia đình ông Tr số tiền 195.660.000 đồng (một trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đông). Đến tháng 6/2019 chị T nợ tiếp 84.000.000 đồng (tám mươi bốn triệu đồng). Ngày 17/7/2020, hai bên tiến hành làm việc và chốt sổ nợ. Tổng cộng chị T còn nợ gia đình ông Tr 283.000.000 đồng (hai trăm tám mươi ba triệu đồng). Hai bên thống nhất ngày 20 hàng tháng chị T sẽ trả cho gia đình ông Tr 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Mặc dù thống nhất như vậy nhưng chị T chỉ trả được một phần nhỏ là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng). Từ ngày 25/2/2022 không trả thêm được khoản nào khác. Như vậy tính đến nay chị T còn nợ tôi 241.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi mốt triệu đồng).

Nay ông Nguyễn Văn Tr yêu cầu bà Bùi Thị T phải trả lại số tiền nợ 241.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi mốt triệu đồng) và không yêu cầu trả tiền lãi phát sinh.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Bùi Thị T không đến làm việc nên không lấy được lời khai của bà T. Tuy nhiên tại văn bản tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bà T nhận văn bản và có thừa nhận là có nợ gia đình ông T nhưng không ký vào giấy biên nhận.

Bà Nguyễn Thị Anh Hoa, sinh năm 1967 là vợ của ông Nguyễn Văn Tr chết năm 2020. Bà Hoa có ba người con là Nguyễn Thị Vân Anh, sinh năm 1990, Nguyễn Văn Đức, sinh năm 1992 và Nguyễn Văn Tiệp, sinh năm 1995. Nguyễn Thị Vân Anh và Nguyễn Văn Đức đã có văn bản từ chối di sản thừa kế còn Nguyễn Văn Tiệp đã ủy quyền toàn bộ cho ông Nguyễn Văn Tr thay mặt mình tham gia vụ việc tại tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 278, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự;

Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên buộc bị đơn trả số nợ cho nguyên đơn 241.000.000 (hai trăm bốn mươi mốt triệu đồng); bị đơn phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về kiện đòi nợ xác lập năm 2017 đối với bị đơn Bùi Thị T, cư trú tại xóm 5, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương thụ lý giải quyết là đúng pháp luật.

Trước khi khởi kiện, nguyên đơn đã thực hiện việc yêu cầu bị đơn trả nợ nên đáp ứng đúng quy định tại điều khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015, Điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự về điều kiện khởi kiện.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần và đưa vụ án ra xét xử lần thứ 3 nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào giấy ghi nợ ngày 17/7/2020; giấy trả nợ ngày 25/2/2022 và lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: gia đình ông Tr và bà T có quan hệ làm ăn buôn bán lâu năm với nhau đến ngày 17/7/2020 hai bên có làm việc và chốt số nợ là 283.000.000 đồng và bà T hứa mỗi tháng trả 2.000.000 đồng nhưng bà T chỉ trả được 42.000.000 đồng, từ ngày 25/02/2022 cho đến nay bà T không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận. Như vậy hiện nay bà T còn nợ ông Tr số tiền 241.000.000 đồng. Bị đơn đã nhận được thông báo thụ lý và tống đạt triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến để trình bày ý kiến, bị đơn đã biết được việc khởi kiện và số tiền nợ bị kiện nhưng không đến tòa để trình bày thể hiện sự chây ỳ. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán đòi lại số tiền nợ 241.000.000 đồng là có căn cứ.

Bà T nợ vợ chồng ông Tr, bà Hoa số tiền 241.000.000 đồng, nay bà Hoa đã chết, bà Hoa và ông T có 03 người con các con của ông T và bà Hoa đã có đơn từ chối di sản của bà Hoa và ủy quyền cho ông Tr tham gia vụ kiện. Như vậy ông Nguyễn Văn Tr được toàn quyền quyết định đối với khoản nợ trên.

Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Bùi Thị T phải trả số nợ 241.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi mốt triệu đồng) cho ông Nguyễn Văn Tr.

Do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh từ số nợ 241.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Mặt khác do đây là

khoản nợ trong việc buôn bán hoa quả không phải là hợp đồng vay tài sản có lãi suất nên "Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015"

Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì nên không xem xét.

[2]. Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Bùi Thị T phải chịu 12.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn Tr số tiền 6.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 116; Điều 278; Điều 280; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 1 điều 147; Điều 227; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

Điều 13; Điều 26 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc bà Bùi Thị T phải trả cho ông Nguyễn Văn Tr số tiền 241.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi mốt triệu đồng) theo giấy chốt nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015

- Về án phí: Trả lại cho ông Nguyễn Văn Tr số tiền 6.000.000 (sáu triệu đồng) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002855 ngày 08/02/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành.

Bà Bùi Thị T phải chịu 12.050.000 đồng (mười hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án

nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND huyện Đô Lương;*
- *VKSND tỉnh Nghệ An;*
- *Chi cục THADS huyện Đô Lương;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

Nguyễn Đức Anh